

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 4 - 2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo và ông Lê Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 465/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị H - Sinh năm: 1991 - Địa chỉ: 536/30 đường Điện Biên Phủ, tổ 11, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* Bị đơn: Ông Lê Văn T - Sinh năm: 1989 - Địa chỉ: Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Lê Văn T có đăng ký kết tại UBND phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào ngày 28/06/2012. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại nhà bà mẹ bà H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về quan điểm sống thường xuyên cãi vã, ông T không lo làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng đã sống ly thân vào năm 2017 sau đó

về chung sống với nhau được thời gian thì tiếp tục ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, phần ai người đó sống, việc ai người đó làm. Ông T đã bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại trung tâm Bàu Bàng thời hạn là một năm vào năm 2014. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T càng sớm càng tốt.

* Về con chung: Bà Trần Thị H xác định vợ chồng có 03 con chung tên Lê Trần Hoài N - Sinh ngày: 27/03/2012, Lê Thành Đ - Sinh ngày: 25/10/2014 và Lê Thành D - Sinh ngày: 22/02/2017, ly hôn bà Trần Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung cho đến tuổi thành niên, không yêu cầu ông Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị H xác định không có nên không đề cập đến.

Trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Văn T nhưng ông Lê Văn T không có văn bản phản hồi và đều vắng mặt không có lý do theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa lần 2 ông Lê Văn T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

* Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao 03 con chung tên Lê Trần Hoài N - Sinh ngày: 27/03/2012, Lê Thành Đ - Sinh ngày: 25/10/2014 và Lê Thành D - Sinh ngày: 22/02/2017, ly hôn bà Trần Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung cho đến tuổi thành niên, không yêu cầu ông Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị H xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

A. Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là ông Lê Văn T – Sinh năm: 1989 - Địa chỉ: Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên vụ án dân sự thụ lý số 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2024 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Văn T nhưng ông Lê Văn T đều vắng mặt không có lý do theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho Lê Văn T nhưng ông Tuấn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Lê Văn T.

B. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung của bà Trần Thị H đối với ông Lê Văn T HĐXX thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Lê Văn T có đăng ký kết tại UBND phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào ngày 28/06/2012 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại nhà ba mẹ bà Hiền được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về quan điểm sống thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm nhau, việc ai người đó làm, thực tế đời sống hôn nhân không tồn tại.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “...Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Theo đó, việc sống chung với nhau vừa là quyền, cũng là nghĩa vụ giữa vợ chồng, hiện nay bà Hiền và ông Tuấn không còn chung sống cùng nhau, trong quá trình hòa giải tại Tòa án ông Tuấn thường xuyên vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông Tuấn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ

chồng, cuộc hôn nhân của bà H và ông Tuấn tiếp tục thì vợ chồng sống cũng không hạnh phúc Do đó, xét yêu cầu của bà Trần Thị H xin được ly hôn với ông Lê Văn T là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị H đề nghị giao 03 con chung tên Lê Trần Hoài N - Sinh ngày: 27/03/2012, Lê Thành Đ - Sinh ngày: 25/10/2014 và Lê Thành D - Sinh ngày: 22/02/2017, cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung cho đến tuổi thành niên, không yêu cầu ông Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của con chung. Do vậy, HĐXX xét thấy việc giao con 03 con chung tên Lê Trần Hoài N - Sinh ngày: 27/03/2012, Lê Thành Đ - Sinh ngày: 25/10/2014 và Lê Thành D - Sinh ngày: 22/02/2017, cho bà Trần Thị H có trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung cho đến tuổi thành niên, không yêu cầu ông Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị H xác định bà và ông Lê Văn T không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị H xác định bà và ông Lê Văn T không có nợ chung không đề cập đến.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì nguyên đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Lê Văn T.
2. Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung tên Lê Trần Hoài N - Sinh ngày:

27/03/2012, Lê Thành Đ - Sinh ngày: 25/10/2014 và Lê Thành D - Sinh ngày: 22/02/2017 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung cho đến tuổi thành niên. Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H xác định bà và ông Lê Văn T không có.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị H phải chịu là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006009 ngày 03/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thu Ba

